Câu 1: Xây dựng bảng thuật ngữ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiếng Anh** | **Tiếng Việt** | **Giải thích nội dung** |
| 1 | Admin | Người quản trị | Là người có quyền quản lí cao nhất trong hệ thống bán hàng |
| 2 | Customer | Khách hàng | Là những cá nhân hoặc tổ chức mà cửa hàng hướng tới |
| 3 | Staff | Nhân viên | Là những người làm việc trong hệ thống website và cửa hàng |
| 4 | User | Người dùng hệ thống | Là người có tài khoản tích hợp được sử dụng, cho phép người dùng cập nhật hệ thống thông qua các phần bổ trợ |
| 5 | Walk-in Guest | Khách vãng lai | Là người chưa có tài khoản đăng nhập vào hệ thống |

Câu 2. Hoàn thiện, xây dựng các Actor

1. Tác nhân người quản trị

* Quản lí sản phẩm
* Quản lí nhân viên
* Quản lí khách hàng
* Quản lí đơn hàng
* Đăng nhập hệ thống

1. Tác nhân khách hàng

* Tìm kiếm thông tin sản phẩm
* Xem thông tin về sản phẩm (kính mắt)
* Chọn sản phẩm (loại kính) cần mua
* Đặt hàng
* Kiểm tra giỏ hàng
* Thanh toán
* Hủy đơn hàng

1. Tác nhân nhân viên

* Báo cáo thống kê
* Quản lí khách hàng
* Quản lí đơn hàng
* Đăng nhập hệ thống

1. Tác nhân người dùng hệ thống

* Đăng nhập tài khoản cá nhân vào hệ thống
* Có mối quan hệ với tác nhân khách hàng

1. Tác nhân khách vãng lai

* Đăng kí tài khoản
* Có mối quan hệ với tác nhân khách hàng

Câu 3. Hoàn thiện biểu đồ Usecase

**Câu 4. Xây dựng kịch bản cho từng UC**

1. **UC DangKy & DangNhap**
2. **UC DangKy**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Đăng ký |
| Tác nhân chính | Guest |
| Mức | 0 |
| Người chịu trách nhiệm | Guest |
| Tiền điều kiện | Chưa có tài khoản user |
| Đảm bảo tối thiểu | Máy chủ có kết nối internet |
| Đảm bảo thành công | Thông báo đăng ký tài khoản thành công và thông tin được lưu vào cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Guest nhấn nút đăng ký tài khoản trong form đăng ký |

|  |
| --- |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1.Guest chọn mục đăng ký  2.Hệ thống hiển thị form đăng ký tài khoản  3.Guest nhập thông tin đăng ký  4.Nhấn nút đăng ký  5.Hệ thống kiểm tra thông tin đăng ký  6.Hệ thống gửi mã xác nhận  7.Guest nhập mã xác nhận |
| **Ngoại lệ**  1.a. Guest chọn đăng kí bằng gmail  1.a.1. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập bằng gmail  1.a.2. Guest nhập thông tin của tài khoản gmail  1.a.3. Gmail xác minh tài khoản gmail của Guest  Chuyển sang bước 6  1.b. Guest chọn đăng kí bằng số điện thoại  1.b.1. Hệ thống hiển thị màn hình nhập số điện thoại  1.b.2. Guest nhập số điện thoại của mình.  1.b.3. Hệ thống gửi mã xác minh về số điện thoại của Guest.  Chuyển sang bước 6 |

1. **UC DangNhap**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Đăng nhập |
| Tác nhân chính | Staff, Admin, User |
| Mức | 0 |
| Người chịu trách nhiệm | Staff, Admin, User |
| Tiền điều kiện | Đã có tài khoản đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu | Máy chủ có kết nối internet |
| Đảm bảo thành công | Thông báo đăng nhập thành công và vào giao diện bên trong của hệ thống |
| Kích hoạt | Staff, Admin, User nhấn nút đăng nhập |

|  |
| --- |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. Yêu cầu đăng nhập  2. Hệ thống hiển thị form đăng nhập  3. Staff, Admin, User nhập thông tin tài khoản và mật khẩu  4. Staff, Admin, User nhấn nút đăng nhập  5. Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản, mật khẩu và xác nhận hợp lệ  6. Hệ thống thông báo đăng nhập thành công  7. Hệ thống vào giao diện quản lý bên trong |
| **Ngoại lệ**  1.a Hệ thống thông báo tài khoản và mật khẩu không đúng  1.a.1 Hệ thống yêu cầu nhập lại tài khoản và mật khẩu  1.a.2 Staff, Admin, User nhập lại tài khoản và mật khẩu  Chuyển sang bước 4 |

1. **UC QuanLySanPham**
2. **Thêm sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Thêm sản phẩm |
| Tác nhân chính | Staff |
| Mức |  |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin vừa thêm và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Thông tin về sản phẩm mới được bỏ sung vào cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Nhân viên chọn chức năng thêm sản phẩm trong form quản lý sản phẩm |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. Hệ thống hiển thị form thêm sản phẩm  2. Staff nhập thông tin và sản phẩm mới  3. Staff nhấn nút Submit  4. Hệ thống kiểm tra thông tin sản phẩm và xác nhận thông tin sản phẩm hợp lệ  5. Hệ thống nhập thông tin sản phẩm mới vào cơ sở dữ liệu  6. Hệ thống thông báo đã nhập thành công  7. Staff thoát chức năng thêm sản phẩm | |
| **Ngoại lệ**  1.a Hệ thống thông báo sản phẩm đã có trong cơ sở dữ liệu  1.a. 1 Hệ thống hỏi Staff có thêm số lượng sản phẩm hay không  1.a. 2 Staff thêm số lượng sản phẩm  1.a. 3 Hệ thống thêm số lượng cho sản phẩm đã có  2.b Hệ thống thông báo thông tin sản phẩm không hợp lệ  2.b.1 Hệ thống yêu cầu Staff nhập lại thông tin  2b. 2 Staff nhập lại thông tin sản phẩm | |

1. **Xem sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Xem Sản phẩm |
| Tác nhân chính | Staff |
| Mức |  |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống quay lại trang quản lý Sản phẩm |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống đưa ra danh sách Sản phẩm trong cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Staff chọn chức năng xem danh sách Sản phẩm trong form quản lý sản phẩm |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. Hệ thống hiển thị form xem danh sách sản phẩm  2. Hệ thống hiển thị ra những sản phẩm có trong cơ sở dữ liệu | |
| **Ngoại lệ** | |

1. **Xóa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Xoá Sản phẩm |
| Tác nhân chính | Staff |
| Mức |  |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ lựa chọn vừa xoá và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống xoá Sản phẩm trong cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Nhân viên chọn chức năng xoá Sản phẩm trong form quản lý Sản phẩm |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. Hệ thống hiển thị form xoá Sản phẩm  2. Staff nhập mã Sản phẩm muốn xoá  3. Staff nhấn nút Submit  4. Hệ thống kiểm tra thông tin Sản phẩm và xác nhận thông tin Sản phẩm hợp lệ  5. Hệ thống xoá thông tin Sản phẩm trong cơ sở dữ liệu  6. Hệ thống thông báo đã xoá thành công  7. Staff thoát chức năng xoá Sản phẩm | |
| **Ngoại lệ**  1.a Hệ thống thông báo không có mã Sản phẩm này  1.a 1 Hệ thống yêu cầu Staff nhập lại mã Sản phẩm muốn xoá  1.a 2 Staff nhập lại mã Sản phẩm | |

1. **Sửa sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Sửa Sản phẩm |
| Tác nhân chính | Staff |
| Mức |  |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin vừa sửa và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống sửa lại thông tin trong cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Staff chọn chức năng sửa Sản phẩm trong form quản lý Sản phẩm |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. hệ thống hiển thị form sửa Sản phẩm  2. Staff nhập mã Sản phẩm và thông tin muốn sửa  3. Staff nhấn nút Submit  4. Hệ thống kiểm tra thông tin Sản phẩm và xác nhận thông tin Sản phẩm hợp lệ  5. Hệ thống sửa thông tin Sản phẩm trong cơ sở dữ liệu  6. Hệ thống thông báo đã sửa thành công  7. Staff thoát chức năng sửa Sản phẩm | |
| **Ngoại lệ**  1.a Hệ thống thông báo không có mã Sản phẩm nay  1.a 1 Hệ thống yêu cầu Staff nhập lại mã Sản phẩm muốn sửa  1.a 2 Staff nhập lại mã Sản phẩm | |

1. **UC QuanLyDonHang**
2. **Thêm đơn hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Thêm đơn hàng |
| Tác nhân chính | Staff |
| Mức | 3 |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin vừa thêm và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Thông tin về đơn hàng mới được bổ sung vào cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Staff chọn chức năng thêm đơn hàng trong form quản lý đơn hàng |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. hệ thống hiển thị form thêm đơn hàng  2. Staff nhập thông tin và đơn hàng mới  3. Staff nhấn nút Submit  4. Hệ thống kiểm tra thông tin đơn hàng và xác nhận thông tin đơn hàng hợp lệ  5. Hệ thống nhập thông tin đơn hàng mới vào cơ sở dữ liệu  6. Hệ thống thông báo đã nhập thành công  7. Staff thoát chức năng thêm đơn hàng | |
| **Ngoại lệ**  2.b Hệ thống thông báo thông tin đơn hàng không hợp lệ  2.b.1 Hệ thống yêu cầu Staff nhập lại thông tin đơn hàng  2b. 2 Staff nhập lại thông tin đơn hàng | |

1. **Xóa đơn hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Xoá đơn hàng |
| Tác nhân chính | Staff |
| Mức | 3 |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ lựa chọn vừa xoá và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống xoá đơn hàng trong cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Nhân viên chọn chức năng xoá Sản phẩm trong form quản lý đơn hàng |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. hệ thống hiển thị form xoá đơn hàng  2. Staff nhập mã đơn hàng muốn xoá  3. Staff nhấn nút Submit  4. Hệ thống kiểm tra thông tin đơn hàng và xác nhận thông tin đơn hàng hợp lệ  5. Hệ thống xoá thông tin đơn hàng trong cơ sở dữ liệu  6. Hệ thống thông báo đã xoá thành công  7. Staff thoát chức năng xoá đơn hàng | |
| **Ngoại lệ**  1.a Hệ thống thông báo không có mã đơn hàng nay  1.a 1 Hệ thống yêu cầu Staff nhập lại mã đơn hàng muốn xoá  1.a 2 Staff nhập lại mã đơn hàng | |

1. **Sửa đơn hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use case | Sửa đơn hàng |
| Tác nhân chính | Staff |
| Mức | 3 |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống loại bỏ thông tin vừa sửa và quay lại bước trước |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống sửa lại thông tin trong cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Nhân viên chọn chức năng sửa đơn hàng trong form quản lý đơn hàng |
| **Chuỗi hệ thống chính**  1. hệ thống hiển thị form sửa đơn hàng  2. Staff nhập mã đơn hàng và thông tin muốn sửa  3. Staff nhấn nút Submit  4. Hệ thống kiểm tra thông tin đơn hàng và xác nhận thông tin đơn hàng hợp lệ  5. Hệ thống sửa thông tin đơn hàng trong cơ sở dữ liệu  6. Hệ thống thông báo đã sửa thành công  7. Staff thoát chức năng sửa đơn hàng | |
| **Ngoại lệ**  1.a Hệ thống thông báo không có mã đơn hàng này  1.a 1 Hệ thống yêu cầu Staff nhập lại mã đơn hàng muốn sửa  1.a 2 Staff nhập lại mã đơn hàng | |

1. **Xem thông tin đơn hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Xem thông tin đơn hàng |
| Tác nhân chính | Staff, Admin |
| Mức | 3 |
| Người chịu trách nhiệm | Admin |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống |
| Đảm bảo tối thiểu | Hệ thống quay lại trang quản lý đơn hàng |
| Đảm bảo thành công | Hệ thống đưa ra đơn hàng trong cơ sở dữ liệu |
| Kích hoạt | Admin, staff chọn chức năng xem thông tin đơn hàng trong form quản lý đơn hàng |
| **Chuỗi sự kiện chính**  1, Hệ thống hiển thị form xem danh sách đơn hàng 2, Hệ thống hiển thị ra những đơn hàng có trong cơ sở dữ liệu | |
| **Ngoại lệ**  1.a. Hệ thống không đưa ra danh sách đơn hàng | |